

Số: 86/2023/HSST
Ngày: 21-7- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đính

Bà Hồ Thị Xuân Thiều

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2023/HSST ngày 28 tháng 06 năm 2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/HSST-QĐ ngày 05/7/2023 đối với bị cáo:

TRẦN N, sinh năm 1974; tại thành phố Hồ Chí Minh; tên gọi khác: Hồng; HKTT: Tổ 2, khu phố 9, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn K (đã chết) và con bà Trần L, sinh năm 1946; chồng: Nguyễn D, sinh năm 1969; có 02 người con: Nguyễn N, sinh năm 1995 và Nguyễn T, sinh năm 2007; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam theo Quyết định truy nã từ ngày 08/6/2023 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn C, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố 8, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan S, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ 5, khu phố Phú Xuân, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần N và chị Nguyễn C, sinh năm 1971, địa chỉ: Ấp 8, phường M, huyện C, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố 8, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước), có quan hệ bạn bè quen biết. Khoảng 21 giờ ngày 26/02/2020, Bị cáo N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Atila, biển số kiểm soát 52P3-7048 đến quán nước của chị C

tại khu phố 8, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành để uống nước và nói chuyện với C. Tại đây, Bị cáo N hỏi mượn của chị C 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus, màu đen, số Imel 359474086043852 của chị C để đọc báo mạng thì chị C đồng ý. Chị C đưa điện thoại cho chị Bị cáo N rồi đi rửa ly cách Bị cáo N khoảng 05m.

Lúc này, do không có tiền trả nợ đã vay trước đó nên Bị cáo N nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động trên của chị C đem đi cầm cố lấy tiền trả nợ. N bỏ điện thoại di động của chị C vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô đi đến nhà nghỉ 979 thuộc phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành ở. Tại nhà nghỉ, Bị cáo N thấy điện thoại của chị C đổ chuông thì nghĩ chị C gọi tìm điện thoại nên Bị cáo N tắt nguồn điện thoại. Đến khoảng 09 giờ ngày 27/02/2020, Bị cáo N gọi điện thoại cho bạn là anh Phan S, sinh năm 1974, nơi cư trú: tổ 5, khu phố Phú Thuận, phường P, thị xã B nhờ cầm cố điện thoại di động của chị C thì anh S đồng ý. Sau đó, Bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 52P3-7048 đi đến quán cà phê thuộc Phú Đức, thị xã Bình Long cho S xem. S đồng ý cầm cố điện thoại với số tiền 5.000.000 đồng (Bị cáo N không cho Sang biết đây là điện thoại của chị C). Bị cáo N sử dụng số tiền trên trả nợ trước đây. Sau đó, Bị cáo N không có tài sản và khả năng chuộc lại tài sản để trả cho chị C. Chị C không liên lạc được với Bị cáo N nên đến công an trình báo.

Kết luận định giá tài sản số 22/KLĐG-HĐĐGTS ngày 10/3/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Chơn Thành xác định điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus, màu đen, số Imel 359474086043852 mà Bị cáo N chiếm đoạt của chị C có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 7.000.000 đồng.

Việc thu giữ, đề nghị xử lý vật chứng, tài sản:

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, số IMEL: 359474086043852, là tài sản của chị Nguyễn C bị Trần N chiếm đoạt để đem đi cầm cố cho anh Phan S. Anh S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã Chơn Thành. Sau đó, Cơ quan Điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chị C đúng quy định.

- Tạm giữ 01 xe mô tô biển số 52P3-7048, số máy: VMEM9B447706, số khung: RLGH125ED 4D447706 của Trần N. Bị cáo N khai nhận xe mua lại của người khác cách đây khoảng 12-13 năm tại thành phố Hồ Chí Minh. Khi mua xe không làm thủ tục mua bán và thủ tục sang tên và cũng không nhớ cụ thể mua xe của ai. Khi mua xe thì xe có giấy chứng nhận đăng ký, quá trình sử dụng thì bị cáo làm mất giấy chứng nhận đăng ký xe.

Quá trình điều tra xác định: xe mô tô biển số 52P3-7048, số máy: VMEM9B447706, số khung: RLGH125ED 4D447706 do bà Trần V, sinh năm: 1960, nơi đăng ký thường trú số 210 Lô A, chung cư Nhiều Lộc, phường Q, quận P, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Năm 2008, bà V chuyển đến thường trú tại số 27/18/3, đường Trường Chinh, phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh sống, đến ngày 02/10/2018 thì bà V chết.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn C đã nhận lại điện thoại di động và không có yêu cầu gì khác.

Anh Phan S: Anh S đã nhận số tiền 2.500.000 đồng gia đình bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 89/CTr-VKS, ngày 27/06/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Trần N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm b,i,s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng tù, ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo qui định.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trần N và Nguyễn C có quan hệ bạn bè quen biết. Khoảng 21 giờ ngày 26/02/2020 Bị cáo N đến quán nước của chị C tại khu phố 8, phường M, thị xã C để uống nước và nói chuyện với chị C. Tại đây, Trần N đã hỏi mượn điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, màu đen của chị C để đọc báo mạng thì được chị C đồng ý và đưa điện thoại cho Bị cáo N. Do không có tiền trả nên Bị cáo N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động của chị C có trị giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) đem đi cầm cố cho anh Phan S lấy 5.000.000đ để trả nợ. Hành vi của Trần N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 89/CTr-VKS, ngày 27/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng*”. Tuy nhiên, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng sau khi bị truy tố thì bị cáo đã bỏ trốn và bị truy nã gây khó khăn cho việc xử lý vụ án, nên phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[5] Về các biện pháp Tư pháp:

[5.1] Về bồi thường thiệt hại: Tài sản đã được thu hồi và trả lại, bị hại không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Gia đình bị cáo đã bồi thường 2.500.000đ cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Phan S không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại nên không xem xét.

[5.2] Về xử lý vật chứng:

01 xe mô tô biển số 52P3-7048, số máy: VMEM9B447706, số khung: RLGH125ED 4D447706 đang tạm giữ là tài sản hợp pháp của Trần N nên trả lại.

[6]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 175; Điểm b,i,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38,50 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần N phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần N 06(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả lại cho Trần N: 01 xe mô tô biển số 52P3-7048, số máy: VMEM9B447706, số khung: RLGH125ED 4D447706

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- CA thị xã Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ung Thị Ngọc Thanh